

**BỘ TÀI CHÍNH  
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số : **4787**/ TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày **15** tháng 8 năm 2018

V/v xử lý vướng mắc tại Nghị  
định số 59/2018/NĐ-CP, Thông  
tư số 39/2018/TT-BTC.

Kính gửi: Các Cục Hải quan tỉnh , thành phố.

Trả lời vướng mắc của các Cục Hải quan tỉnh, thành phố trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP; Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2015/TT-BTC, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

Để có cơ sở cho các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện, Tổng cục Hải quan hướng dẫn xử lý theo bảng tổng hợp đính kèm công văn này.

Tổng cục Hải quan thông báo để các đơn vị biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TCT Nguyễn Văn Cận (để b/c);
- Cục GSQL, Cục KTSTQ, Cục CNTT và TKHQ;
- Lưu: VT, TXNK (03).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG**  
**TỔNG CỤC TRƯỞNG**



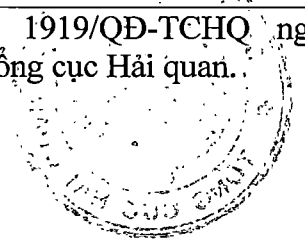
**Nguyễn Dương Thái**



**Phụ lục**  
**BẢNG TỔNG HỢP MỘT SỐ NỘI DUNG VƯỚNG MẮC TẠI**  
**NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2018/NĐ-CP NGÀY 20/4/2018 CỦA CHÍNH PHỦ,**  
**THÔNG TƯ SỐ 39/2018/TT-BTC NGÀY 20/4/2018 CỦA BỘ TÀI CHÍNH**  
*(Ban hành kèm theo công văn số 4787/TCHQ-TXNK ngày 15/8/2018 của Tổng cục Hải quan)*

STT	Điều khoản	Nội dung vướng mắc	Đơn vị gửi	Trả lời
<b>I. Vướng mắc liên quan đến Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ</b>				
1.	Khoản 3 Điều 48 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP	<p>Vướng mắc phân loại hồ sơ không thu thuế xuất khẩu đối với mặt hàng gỗ nguyên liệu nhập khẩu nhưng phải tái xuất sang nước thứ ba:</p> <p>- Khoản 3 Điều 48 Nghị định 08/2015/NĐ-CP quy định: “Trường hợp người khai hải quan nộp đủ hồ sơ không thu thuế khi làm thủ tục xuất khẩu, cơ quan hải quan không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu trả lại hoặc xuất khẩu sang nước thứ ba hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan và quyết định việc thông quan theo quy định”</p> <p>- Vẫn chưa có quy định nào hướng dẫn về thủ tục phân loại hồ sơ không thu thuế đối với trường hợp này.</p> <p>Đề xuất: Hiện nay, đối với hồ sơ không thu thuế được người khai hải quan nộp đủ hồ sơ khi làm thủ tục xuất khẩu, Cục Hải quan Gia Lai – Kon Tum đang hướng dẫn các đơn vị thực hiện phân loại hồ sơ thuộc loại: Hoàn thuế (không thu thuế) trước, kiểm tra sau.</p>	HQ GL-KT (công văn 631/BC-HQGLKT ngày 29/6/2018)	Việc phân loại hồ sơ không thu thuế xuất khẩu đối với mặt hàng gỗ nguyên liệu nhập khẩu nhưng phải tái xuất sang nước thứ ba được hướng dẫn tại Điều 27 Quy trình Miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế hàng hóa XK, NK ban hành kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 của Tổng cục Hải quan.
2	Khoản 4 Điều 47 và khoản 3 Điều 48 Nghị định số	<p>1. Hồ sơ không thu thuế đối với các trường hợp này được thực hiện theo quy định nào để đảm bảo giải quyết thủ tục không thu thuế theo quy định tại khoản 4 Điều 47 và khoản 3 Điều 48 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 20/1/2015 của Chính phủ. Trường hợp phải áp dụng chung như hồ sơ hoàn thuế tại Điều 33, Điều 34 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 thì sẽ phát sinh nhiều chứng từ</p>	HQ Đắc Lắc tại công văn số 701/HQ ĐL – NV	Vướng mắc của Cục Hải quan tỉnh Đắc Lắc về việc không thu thuế đối với hàng hóa nhập khẩu được hướng dẫn tại Điều 27, Điều 28 Quy trình Miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế hàng hóa XK, NK ban hành kèm theo

13

08/2015/ ND-CP	<p>không cần thiết và không thể thực hiện tại thời điểm làm thủ tục hải quan cho hàng tái xuất, tái nhập.</p> <p>2. Trường hợp phải thực hiện chung việc giải quyết hồ sơ không thu thuế như hồ sơ hoàn thuế tại Điều 129 Thông tư số 38/2015/TT-BTC sửa đổi thì có thực hiện phân loại hồ sơ không thu thuế đối với các trường hợp này hay không? Nếu có thì thực hiện như thế nào?</p> <p><b>Đề xuất:</b></p> <p>- Hồ sơ không thu thuế nhập khẩu hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập (thuộc đối tượng không phải nộp thuế xuất khẩu) và không thu thuế xuất khẩu cho hàng nhập khẩu phải tái xuất (thuộc đối tượng không phải nộp thuế xuất khẩu) là công văn đề nghị không thu thuế theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi Điều 16 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.</p> <p>Không phân loại hồ sơ không thu thuế đối với trường hợp này vì đây là việc thực hiện thủ tục không thu thuế cho đối tượng không phải nộp thuế xuất khẩu, không phải nộp thuế nhập khẩu mà không phải đối tượng hoàn thuế xuất khẩu, nhập khẩu, đồng thời việc phân loại hồ sơ sẽ dẫn đến một số trường hợp phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế trong khi quy định về việc giải quyết hồ sơ là trong thông quan.</p> <p>Việc giải quyết thủ tục không thu thuế được thực hiện trong thời hạn làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 23 Luật Hải quan, cơ quan hải quan ban hành quyết định không thu thuế nếu có đủ cơ sở xác định hàng hóa tái nhập khẩu là hàng đã xuất khẩu trước đây, hàng hóa tái xuất khẩu là hàng đã nhập khẩu trước đây. (Có thể xem xét thêm xử lý kết quả giải quyết hồ sơ không thu thông qua phê duyệt trên hệ thống mà không cần ban hành quyết định không thu thuế do đây có thể hiểu là một thủ tục trong thông quan, không mang nhiều tính chất của một hồ sơ hoàn thuế.</p>	<p>Quyết định số 1919/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 của Tổng cục Hải quan.</p> 
-------------------	--	--

<b>II. Vướng mắc liên quan đến Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018, Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính</b>				
1.	Điều 42 Thông tư số	Tại Điều 42 Thông tư số 38/2015/TT-BTC quy định về thời hạn nộp thuế, Điều 2 Thông tư 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung bãi bỏ khoản 1,2,3,6,9 Điều 42, tuy nhiên tại khoản 7 của Điều 42	HQ Thanh Hóa	- Khoản 2 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “Trong trường hợp các văn bản quy phạm

	38/2015/TT-BTC	<p>Thông tư số 38/2015/TT-BTC vẫn trích dẫn “Thời hạn nộp thuế thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này”</p> <p><b>Đề xuất:</b> Tổng cục Hải quan hướng dẫn nội dung này.</p>	<p><i>pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.”</i></p> <p>- Điều 9 Luật thuế XK, NK (có hiệu lực thi hành từ ngày 1/9/2016) quy định hàng hóa XK, NK thuộc đối tượng chịu thuế phải nộp thuế trước khi thông quan hoặc giải phóng hàng (trừ trường hợp có bảo lãnh và doanh nghiệp ưu tiên). Như vậy, kể từ ngày 1/9/2016 thì thời hạn nộp thuế của hàng hóa XK, NK thực hiện theo quy định tại Luật thuế XK, NK, theo đó quy định tại khoản 3 Điều 42 Thông tư 38/2015/TT-BTC cũng hết hiệu lực.</p> <p>Căn cứ quy định trên, trường hợp chưa có giá chính thức thì thực hiện như sau: Người nộp thuế phải tạm nộp thuế hoặc có bảo lãnh theo giá khai báo trước khi thông quan hoặc giải phóng hàng thì thời hạn nộp thuế thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật thuế XK, thuế NK. Trường hợp số tiền thuế tạm nộp hoặc số tiền thuế được bảo lãnh trước khi thông quan hoặc giải phóng hàng nhỏ hơn số tiền thuế phải nộp khi có giá chính thức thì người nộp thuế phải nộp số tiền thuế chênh lệch giữa tiền thuế phải nộp khi có giá chính thức với giá tạm tính (nếu có) tại thời điểm chốt giá chính thức, không phải nộp tiền chậm nộp trên số tiền thuế chênh lệch phải nộp. Thời điểm chốt giá chính thức thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>
--	----------------	---	---

				<p>Trường hợp số tiền thuế tạm nộp hoặc số tiền thuế được bảo lãnh trước khi thông quan hoặc giải phóng hàng lớn hơn số tiền thuế phải nộp khi có giá chính thức thì thực hiện xử lý tiền thuế nộp thừa theo quy định.</p>
2.	<p>Khoản 14 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC</p>	<p>Về đối tượng kiểm tra:</p> <p>Khoản 14 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC sửa đổi Điều 25 Thông tư 38/2015/TT-BTC quy định “1. <i>Đối tượng kiểm tra: Hồ sơ hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chi tiết hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa</i>”</p> <p>Điểm b.1.1 khoản 1 Điều 4 Quyết định 1810/2018/QĐ-TCHQ quy định: “, <u>trừ mặt hàng không có chỉ dẫn rủi ro về trị giá trên Hệ thống dữ liệu điện tử hải quan.</u>”</p> <p>Tuy nhiên, hiện nay trên hệ thống VNACCS/VCIS vẫn chưa đáp ứng được nội dung chỉ dẫn rủi ro về trị giá, cụ thể nhiều mặt hàng thuộc Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu rủi ro về trị giá do Tổng cục Hải quan ban hành nhưng không được chỉ dẫn rủi ro về trị giá, đồng thời công chức hải quan cũng chưa đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo theo quy định.</p> <p><b>Đề xuất:</b> Tổng cục Hải quan cập nhật thường xuyên kịp thời các thông tin, dữ liệu mặt hàng có rủi ro về trị giá hải quan để đảm bảo các chỉ dẫn rủi ro về trị giá trên Hệ thống dữ liệu điện tử hải quan chính xác.</p>	<p>HQ Hải Phòng (CV số 9063/HQHP-TXNK ngày 06/7/2018)</p>	<p>- Trước mắt, yêu cầu đối với hồ sơ hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chi tiết hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa (trừ hồ sơ hải quan thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 2, Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, hàng hóa không chịu các loại thuế ở khâu xuất khẩu, nhập khẩu hoặc có thuế suất 0% theo Biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu ưu đãi) phải thực hiện kiểm tra trị giá theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 1810/QĐ-TCHQ.</p> <p>- Lâu dài, Tổng cục Hải quan sẽ cập nhật tiêu chí chỉ dẫn rủi ro về trị giá cho các mặt hàng theo phản ánh của Cục Hải quan Hải Phòng.</p>
3.		<p>Đối với trường hợp hàng hóa XK, NK có nghi vấn trị giá khai báo và rủi ro cao về trị giá, đồng thời người khai hải quan được đánh giá, phân loại là doanh nghiệp không tuân thủ theo quy định (Tiết b.1 điểm 3 khoản 14 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC)</p> <p>Vướng mắc:</p> <p>- Căn cứ khoản 9 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 21 Nghị định 08/2015/NĐ các trường hợp nghi vấn về trị giá khai báo đều phải thực hiện tham vấn giá.</p> <p>Tuy nhiên tại Tiết b.1 điểm 3 khoản 14 Điều 1 Thông tư</p>	<p>HQ Hải Phòng (CV số 9063/HQHP-TXNK ngày 06/7/2018)</p>	<p>Đề nghị Cục Hải quan thành phố Hải Phòng thực hiện đúng quy định tại điểm b.1 khoản 3 Điều 25 được quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC và điểm b.1 khoản 2 Điều 4 Quyết định 1810/QĐ-TCHQ ngày 15/6/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan. Theo đó, trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có nghi vấn trị giá khai báo và</p>

	<p>39/2018/TT-BTC và điểm b.1 khoản 2 Điều 4 quyết định 1810/2018/QĐ-TCHQ không quy định việc cơ quan hải quan phải thực hiện tham vấn theo quy định đối với trường hợp này mà chỉ yêu cầu doanh nghiệp giải trình, chứng minh trị giá khai báo sau đó công chức kiểm tra lập tờ trình trị giá hải quan, ban hành Thông báo trị giá hải quan, quyết định ấn định thuế, quyết định xử phạt VPHC (nếu có) để thực hiện thông quan hàng hóa theo quy định.</p> <p>Đề nghị: Tổng cục hải quan hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp trên và quy định cụ thể đối với hàng hóa có rủi ro cao về trị giá.</p> <p><b>Đề xuất:</b> thực hiện tham vấn theo quy định.</p>		<p>rủi ro cao về trị giá, đồng thời người khai hải quan được đánh giá, phân loại là doanh nghiệp không tuân thủ theo quy định thì yêu cầu doanh nghiệp giải trình, chứng minh trị giá khai báo trong thời hạn làm thủ tục hải quan.</p> <p>- Tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 257/QĐ-TCHQ ngày 29/6/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan đã quy định rõ các trường hợp rủi ro cao về trị giá. Đề nghị đơn vị nghiên cứu, thực hiện.</p>
4.	<p>Về trường hợp hàng hóa NK thuộc diện nghi vấn trị giá khai báo cao đột biến (Tiết b.2 điểm 3 khoản 14 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC):</p> <p>Tổng cục Hải quan chưa có quy định rõ mức giá cao đột biến đạt bao nhiêu %, nhóm hàng cụ thể.</p> <p><b>Đề xuất:</b> Tổng cục Hải quan hướng dẫn nội dung này.</p>	<p>HQ Hải Phòng (CV số 9063/HQHP-TXNK ngày 06/7/2018)          HQ Hà Tĩnh (CV số 1251/HQHT-NV ngày 08/8/2018)</p>	<p>Tại khoản 2 Điều 5 Quyết định số 257/QĐ-TCHQ ngày 29/6/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan đã quy định mức giá cao đột biến. Đề nghị đơn vị nghiên cứu, thực hiện.</p>
5.	<p>Về trường hợp bác bỏ trị giá khai báo (tiết b điểm 3 khoản 9 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP và tiết đ.2 điểm 4 khoản 14 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC):</p> <p>Theo quy định trường hợp này sau khi tham vấn cơ quan hải quan ban hành Thông báo trị giá hải quan và đề nghị người khai hải quan khai bổ sung trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tham vấn. Nếu người khai hải quan khai bổ sung theo Thông báo trị giá hải quan trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan thực hiện thông quan hàng hóa theo quy định, xử lý vi phạm (nếu có). Quá thời hạn mà người khai hải quan không thực hiện khai bổ sung hoặc khai bổ sung không đúng theo Thông báo trị giá hải quan thì cơ quan hải quan ấn định thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế để thông quan hàng hóa theo quy định, xử lý vi phạm (nếu có).</p>	<p>HQ Hải Phòng (CV số 9063/HQHP-TXNK ngày 06/7/2018)</p>	<p>Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 21 quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP và điểm đ.2 khoản 4 Điều 25 quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC thì trường hợp đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan ban hành Thông báo trị giá hải quan. Nếu người khai hải quan khai bổ sung theo Thông báo trị giá hải quan trong thời hạn 05 ngày thì cơ quan hải quan thực hiện thông quan hàng hóa theo quy định, xử lý vi phạm (nếu có). Quá thời hạn mà người khai hải quan</p>



		<p>Như vậy, theo quy định không hướng dẫn trường hợp cơ quan hải quan bác bỏ trị giá khai báo nhưng người khai hải quan không đồng ý với cơ sở, phương pháp, mức giá cơ quan hải quan xác định.</p> <p><b>Đề xuất:</b> Tổng cục Hải quan hướng dẫn nội dung này.</p>		<p>không thực hiện khai bổ sung hoặc khai bổ sung không đúng theo Thông báo trị giá hải quan thì cơ quan hải quan ấn định thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế để thông quan hàng hóa theo quy định, xử lý vi phạm (nếu có). Như vậy, việc bác bỏ trị giá khai báo, xác định trị giá hải quan của cơ quan hải quan không phụ thuộc vào doanh nghiệp có đồng ý hay không đồng ý như quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP trước đây.</p>
6.		<p>- Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng có trị giá khai báo cao đột biến (chủ yếu là máy móc thiết bị tạo tài sản cố định) thì cơ quan hải quan có thực hiện kiểm tra trị giá hải quan để xác định nghi vấn về trị giá hay không?</p> <p>- Đối với giao dịch kinh doanh không có quan hệ liên quan (hoặc không có giao dịch liên quan và mặt hàng không thuộc Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về trị giá vẫn tiến hành chuyển nghi vấn sang cơ quan thuế. Đồng thời, đề nghị xem xét, báo cáo Bộ Tài chính bổ sung quy định quản lý đối với trường hợp trên.</p>	HQ Hà Tĩnh (Công văn số 1251/HQHT-NV ngày 08/8/2018)	<p>Căn cứ quy định tại điểm b.2 khoản 3 Điều 25 quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC thì trường hợp hàng hóa có trị giá khai báo cao đột biến, cơ quan hải quan thông quan theo trị giá khai báo; đồng thời thực hiện theo hướng dẫn tại điểm b.2 Điều 4 và báo cáo theo mẫu số 04 ban hành kèm theo Quyết định số 1810/QĐ-TCHQ ngày 15/6/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.</p>
7.		<p>Về tham vấn một lần (Điểm 6 khoản 14 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC)</p> <p>- Vướng mắc:</p> <p>+ Thông tin, dữ liệu để kiểm tra, xác định trị giá hải quan là những thông tin và dữ liệu gì?</p> <p>+ Thời gian áp dụng đối với Thông báo xác định trị giá hải quan áp dụng kết quả tham vấn một lần</p> <p>+ Chưa quy định rõ trách nhiệm của công chức kiểm tra hồ sơ</p> <p>+ Nội dung phản hồi của Công chức kiểm tra hồ sơ trên Hệ thống VNACCS/VCIS khi doanh nghiệp đề nghị áp dụng kết quả tham vấn của lần trước cho các lần tiếp theo.</p> <p>+ Mẫu Thông báo xác định trị giá hải quan đối với trường hợp</p>	HQ Hải Phòng (CV số 9063/HQHP-TXNK ngày 06/7/2018)	<p>- Thông tin kiểm tra, xác định trị giá: Là thông tin xác định trị giá hải quan quy định tại Điều 7 Quyết định số 1811/QĐ-TCHQ ngày 15/6/2018.</p> <p>- Thông báo xác định trị giá được áp dụng cho đến khi thông tin xác định trị giá thay đổi.</p> <p>- Khi thực hiện tham vấn một lần, công chức kiểm tra hồ sơ thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Quyết định số 1810/QĐ-TCHQ.</p> <p>- Cách thức, nội dung thông báo trên Hệ thống VNACCS/VCIS: thực hiện theo</p>

		<p>áp dụng kết quả tham vấn một lần.</p> <p><b>Đề xuất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thông tin, dữ liệu để kiểm tra, xác định trị giá hải quan là các thông tin về khai báo (tên hàng, trị giá khai báo...) trên hệ thống điện tử của cơ quan hải quan, và thông tin dữ liệu đã được sử dụng để kiểm tra, xác định trị giá hải quan của lần tham vấn đầu tiên.</li> <li>+ Thời gian áp dụng tối đa 90 ngày kể từ ngày ra Thông báo xác định trị giá hải quan đối với lô hàng tham vấn đầu tiên</li> <li>+ Trách nhiệm của công chức kiểm tra hồ sơ: tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ phải kiểm tra điều kiện áp dụng tham vấn một lần đối với lô hàng Doanh nghiệp đề nghị cụ thể kiểm tra:</li> </ul> <p>Nội dung khai báo theo quy định tại tiết a.1 điểm 3 khoản 14 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC không thay đổi so với lô hàng Doanh nghiệp đề nghị áp dụng kết quả tham vấn cho lô hàng hiện tại. Nếu đủ điều kiện mới thực hiện chuyên hồ sơ lên Cục theo quy định. Nếu không đủ điều kiện thực hiện tham vấn theo phân cấp.</p>		<p>quy định tại khoản 6 Điều 4 Quyết định số 1810/QĐ-TCHQ ngày 15/6/2018.</p> <p>- Mẫu thông báo xác định trị giá hải quan: Thực hiện theo mẫu số 02B/TB-TGHQ/TXNK ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC.</p>
8.	Khoản 24 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 43	<p>Tại khoản 1 Điều 43 Thông tư số 38/2015/TT-BTC quy định về bảo lãnh số tiền thuế phải nộp theo một trong hai hình thức bảo lãnh chung và bảo lãnh riêng, tại Điều 2 Thông tư 39/2018/TT-BTC đã bãi bỏ khoản 1 về bảo lãnh chung và bảo lãnh riêng, tuy nhiên Tiết c, Khoản 2 Điều 43 sửa đổi, bổ sung Điều 43 vẫn hướng dẫn các hình thức bảo lãnh chung, bảo lãnh riêng.</p> <p><b>Đề xuất:</b> Tổng cục Hải quan hướng dẫn nội dung này.</p>	HQ Thanh Hóa	<p>Thông tư 39/2018/TT-BTC đã bãi bỏ khoản 1 Điều 43 Thông tư 38/2015/TT-BTC vì nội dung này đã được quy định tại Điều 4 Nghị định 134/2016/NĐ-CP.</p> <p>Việc sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 43 nhằm hướng dẫn làm rõ quy định tại Điều 4 Nghị định 134/2016/NĐ-CP về bảo lãnh chung và bảo lãnh riêng (thủ tục bảo lãnh bằng phương thức điện tử; thủ tục bảo lãnh bằng giấy; từ chối chấp nhận bảo lãnh ...).</p>
9.	Khoản 27 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC	<p>Khoản 27 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi bổ sung Điều 48 Thông tư số 38/2015/TT-BTC quy định tại điểm c.2.2.2 “Trường hợp chuyển đổi mục đích sử dụng một phần trong tổng số hàng hóa cùng chủng loại thuộc nhiều tờ khai hải quan khác nhau... Thời hạn nộp thuế ấn định và tính tiền chậm nộp tính theo thời hạn nộp thuế của tờ khai hải quan cuối cùng”.</p> <p>Vậy, thời hạn nộp thuế của: “tờ khai cuối cùng” được hiểu là tờ</p>	HQ Hải Phòng (công văn số 9427/HQHP-GSQL ngày 13/7/2018)	<p>Tại điểm khoản 27 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung điểm c.2.2.2 khoản 6 Điều 48 Thông tư số 38/2015/TT-BTC: “Trường hợp chuyển đổi mục đích sử dụng một phần trong tổng số hàng hóa cùng chủng loại</p>



		<p>khai cuối cùng của cả lô hàng bị ấn định hay tờ khai cuối cùng của từng mặt hàng riêng biệt trong trường hợp có nhiều hơn một mặt hàng bị ấn định.</p> <p><b>Đề xuất:</b> Tổng cục Hải quan hướng dẫn nội dung này.</p>		<p>thuộc nhiều tờ khai hải quan khác nhau, trên các tờ khai xuất khẩu hoặc nhập khẩu lần đầu đã xác định được số tiền thuế thì số tiền thuế ấn định là số tiền thuế trung bình được xác định theo công thức sau đây:</p> $\text{Số tiền thuế ấn định} = \frac{\text{Tổng số tiền thuế của hàng hóa cùng chủng loại tại các tờ khai hải quan}}{\text{Tổng số hàng hóa tại các tờ khai hải quan}} \times \text{Số lượng hàng hóa thay đổi mục đích sử dụng}$ <p>Thời hạn nộp tiền thuế ấn định và tính tiền chậm nộp tính theo thời hạn nộp thuế của tờ khai hải quan cuối cùng.”</p> <p>Theo quy định nêu trên thì tờ khai cuối cùng là tờ khai hải quan cuối cùng của từng mặt hàng riêng biệt bị ấn định thuế.</p>
10.	Khoản 48 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC	<p>Trường hợp doanh nghiệp thực hiện loại hình nhập khẩu sản xuất xuất khẩu thuế gia công lại đáp ứng các quy định tại khoản 48 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC và nhận về sản phẩm hoàn chỉnh để trực tiếp xuất khẩu có được miễn thuế nhập khẩu hay không?</p> <p><b>Đề xuất:</b> Tổng cục Hải quan hướng dẫn nội dung này.</p>	<p>- HQ Long An (công văn số 1252/HQLA-NV ngày 02/7/2018)</p> <p>- HQ Bình Phước (công</p>	<p>Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ, thì một trong các cơ sở để xác định hàng hóa được miễn thuế là tổ chức, cá nhân sản xuất hàng hóa xuất khẩu có cơ sở sản xuất hàng hóa xuất khẩu trên lãnh thổ Việt</p>

			<p>văn số 1161/HQBP-NV ngày 06/7/2018)</p> <p>Nam; có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với máy móc, thiết bị tại cơ sở sản xuất phù hợp với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu và thực hiện thông báo cơ sở sản xuất theo quy định của pháp luật về hải quan. Theo quy định nêu trên thì trường hợp mà Cục Hải quan tỉnh Long An, Cục Hải quan tỉnh Bình Phước nêu không được miễn thuế nhập khẩu (<i>Tổng cục Hải quan đã có công văn số 4299/TXNK-CST ngày 02/8/2018 hướng dẫn thực hiện</i>).</p>
11.	<p>Khoản 49 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC</p>	<p>2. Về thủ tục xử lý phế liệu, phế phẩm tiêu thụ nội địa, phế thải đối với hàng sản xuất:</p> <p>Thực hiện tại khoản 49 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC: “Phế liệu, phế phẩm thu được trong quá trình sản xuất hàng xuất khẩu khi bán, tiêu thụ nội địa được miễn thuế nhập khẩu nhưng phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế bảo vệ môi trường (nếu có) và gửi đến cơ quan Hải quan thông qua Hệ thống theo chỉ tiêu thông tin quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp hồ sơ giấy, người khai hải quan khai theo mẫu số 06/BKKTT/TXNK Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này.”</p> <p>Quyết định 1966/QĐ-TCHQ chưa quy định trường hợp tiếp nhận, kiểm tra, xử lý phế liệu, phế phẩm tiêu thụ nội địa, phế thải đối với hàng sản xuất xuất khẩu.</p> <p><b>Đề xuất:</b> Bổ sung nội dung quy định về việc tiếp nhận, kiểm tra, xử lý đối với trường hợp trên tại Quyết định số 1966/QĐ-TCHQ.</p>	<p>HQ Quảng Ngãi</p> <p><i>Đối với phế liệu, phế phẩm</i></p> <p>a) Trường hợp hồ sơ điện tử thực hiện khai theo mẫu 04 Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC.</p> <p>b) Trường hợp hồ sơ giấy khai theo mẫu 06/BKKTT/TXNK phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC; Tên hàng trên bảng kê khai đúng theo tên hàng thực tế bán ra, trị giá khai theo giá bán ra chưa có thuế GTGT.</p> <p>- Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định hình thức mức độ kiểm tra như đối với trường hợp tờ khai giấy.</p> <p>- Cơ quan Hải quan mở sổ theo dõi, cấp sổ cho bảng kê tương tự như đối với trường hợp tờ khai bản giấy.</p> <p><i>Đối với phế thải:</i></p> <p>Thực hiện theo quy định tại Điều 71 Thông tư 38/2015/TT-BTC được sửa đổi bổ sung tại khoản 50 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC theo đó, đối với xử lý</p>

				phế thải tổ chức cá nhân thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tổ chức cá nhân có trách nhiệm ghi chép sổ sách chi tiết, xuất trình cho cơ quan hải quan khi kiểm tra.
12.	Khoản 61 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC	Theo quy định tại khoản 61 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/7/2018 thì "... trị giá tính thuế, thời điểm tính thuế, phương pháp tính thuế thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư số 39/2015/TT-BTC...". Tuy nhiên, Điều 4 Thông tư số 39/2015/TT-BTC đã được bãi bỏ.	HQ Cần Thơ (Công văn số 1325/HQCT-NV ngày 20/7/2018)	Căn cứ khoản 15 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung Điều 25a. Đề nghị Cục Hải quan thành phố Cần Thơ thực hiện theo quy định tại Điều 25a Thông tư số 39/2018/TT-BTC.
13.	Khoản 63 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC	Tại Điều 129 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 63 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC về thủ tục tiếp nhận, giải quyết hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế quy định trong trường hợp kết quả kiểm tra xác định người nộp thuế đủ điều kiện hoàn thuế, Chi cục Hải quan đã ban hành Quyết định hoàn thuế lưu kết quả kiểm tra vào hồ sơ, cập nhật kết quả kiểm tra vào hệ thống. <b>Đề xuất:</b> Tổng cục Hải quan hướng dẫn nội dung này.	HQ Bình Định (công văn 859/HQBĐ-NV ngày 06/7/2018)	Hiện tại sau khi có Quyết định hoàn thuế, công chức xử lý hồ sơ hoàn thuế sẽ cập nhật Quyết định hoàn thuế lên hệ thống kế toán tập trung. Hệ thống VNACC/VCISS chưa hỗ trợ việc cập nhật kết quả kiểm tra xác định người nộp thuế đủ điều kiện hoàn thuế. Tổng cục Hải quan đang nghiên cứu để bổ sung chức năng này vào chương trình miễn, giảm, hoàn điện tử đang được Tổng cục Hải quan xây dựng.
14.		Tại Điều 129 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 63 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC quy định việc kiểm tra sau khi ban hành quyết định hoàn thuế tại trụ sở người nộp thuế được thực hiện theo quy định tại Điều 143 Thông tư này (Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người nộp thuế). Chi cục Hải quan thuộc Cục Hải quan tỉnh Bình Định đã xây dựng kế hoạch số 1618/KH-HQCKQN kiểm tra các hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế trước, kiểm tra sau tại trụ sở người nộp thuế gồm 05 doanh nghiệp, đến thời điểm Thông tư số 39/2018/TT-BTC có hiệu lực (ngày 05/6/2018), đơn vị đã thực hiện kiểm tra với 02 doanh nghiệp, 01 doanh nghiệp kiểm tra sau thông quan còn 02 doanh nghiệp chưa thực hiện kiểm tra.	HQ Bình Định (công văn 859/HQBĐ-NV ngày 06/7/2018)	Từ ngày Thông tư số 39/2018/TT-BTC có hiệu lực (05/6/2018), đối với các trường hợp kiểm tra sau khi ban hành quyết định hoàn thuế tại trụ sở người nộp thuế đề nghị Cục Hải quan tỉnh Bình Định thực hiện theo quy định tại khoản 65 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 143 Thông tư số 38/2015/TT-BTC. Các trường hợp chưa tiến hành kiểm tra sau hoàn thuế từ ngày 05/6/2018 Lãnh đạo Cục Hải quan tỉnh, thành phố chỉ đạo

		<p><b>Đề xuất:</b> Chi cục Hải quan thuộc Cục Hải quan tỉnh Bình Định có phải tiếp tục thực hiện hay dừng Kế hoạch kiểm tra số 1618/KH-HQCKQN nêu trên đối với 02 doanh nghiệp còn lại hay không?</p>		<p>chuyển hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau cho Chi cục Kiểm tra sau thông quan thực hiện.</p> <p>Đối với các Cục Hải quan tỉnh, thành phố không có Chi cục KTSTQ thì Cục trưởng tổ chức thực hiện KTSTQ hoặc phối hợp với Cục KTSTQ để thực hiện kiểm tra sau hoàn thuế.</p>
15.	Khoản 65 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC	<p>Tại Điều 132 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được BTC sửa đổi, bổ sung tại khoản 65 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC quy định việc bù trừ các khoản được hoàn với các khoản phải nộp trong cùng năm ngân sách nhà nước tại cùng cơ quan hải quan, cùng mục lục ngân sách, cơ quan hải quan lập giấy điều chỉnh khoản thu ngân sách nhà nước, hoạch toán kế toán theo quy định.</p> <p><b>Đề xuất:</b> Hiện tại Giấy đề nghị điều chỉnh khoản thu ngân sách nhà nước theo mẫu C1-07a/NS ban hành kèm theo Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính không thể hiện số tờ khai hải quan. Cục Hải quan tỉnh Bình Định đề nghị ghi chú thông tin về số tờ khai điều chỉnh tại mục “Các thông tin khác đề nghị điều chỉnh”</p>	HQ Bình Định (công văn 859/HQBD-NV ngày 06/7/2018)	<p>Nhất trí với nội dung đề xuất của đơn vị về việc ghi chú thông tin về số tờ khai điều chỉnh tại mục “Các thông tin khác đề nghị điều chỉnh”.</p>
16.	Điều 104 Thông tư số 38/2015/TT-BTC	<p>Điều 104 Thông tư 38/2015/TT-BTC quy định về Đăng ký Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu được miễn thuế; Điều 30 Nghị định 134/2016/NĐ-CP quy định về Thông báo Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến nhập khẩu đối với các trường hợp thông báo Danh mục miễn thuế. Hai điều này hướng dẫn cùng một nội dung, tuy nhiên, Thông tư 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư 38/2015/TT-BTC không sửa đổi/ bổ sung/ bãi bỏ Điều 104.</p> <p><b>Đề xuất:</b> Tổng cục Hải quan hướng dẫn nội dung này.</p>	HQ Quảng Nam	<p>Căn cứ khoản 2 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 thì trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn. Do đó, đối với nội dung về Danh mục miễn thuế, đề nghị Cục Hải quan Quảng Nam thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ. (Tổng cục Hải quan đã có hướng dẫn tại công văn số 3762/TCHQ-TXNK ngày 27/6/2018).</p>
17.	Điều 3 Thông tư	<p>Luật Thuế XK, thuế NK số 45/2005/QH11, Luật Thuế XK, thuế NK số 107/2016/QH13 và các văn bản hướng dẫn Luật điều</p>	Hải quan Đồng Nai	<p>Từ 01/9/2016, sản phẩm sản xuất xuất</p>

<p>số 39/2018/ TT-BTC</p>	<p>không quy định điều kiện miễn thuế, hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu tại chỗ.</p> <p>Căn cứ khoản 1 Điều 36 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ: Hoàn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh nhưng đã xuất khẩu sản phẩm:</p> <p>1. Người nộp thuế đã nộp thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh nhưng đã đưa vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu và đã xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài, hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan, được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp.</p> <p>Căn cứ khoản 5 Điều 114 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính: Hàng hoá nhập khẩu đã nộp thuế nhập khẩu để sản xuất hàng hoá xuất khẩu ra nước ngoài hoặc xuất vào khu phi thuế quan được hoàn thuế nhập khẩu tương ứng với tỷ lệ sản phẩm thực tế xuất khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu có đủ điều kiện xác định là được chế biến từ toàn bộ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu và được xác định cụ thể như sau:</p> <p>...</p> <p>c) Các trường hợp được xét hoàn thuế, bao gồm:</p> <p>...</p> <p>Tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng hoá bán cho thương nhân nước ngoài nhưng giao hàng hoá cho tổ chức, cá nhân khác tại Việt Nam theo chỉ định của thương nhân nước ngoài thì được hoàn thuế nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng hóa xuất khẩu.</p> <p>Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều Thông tư số 38/2015/TT-BTC: bãi bỏ tất cả các điều khoản liên quan đến miễn thuế, hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu tại chỗ.</p> <p><b>Đề xuất:</b> Tại Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai phát sinh nhiều trường hợp các doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại chỗ giao nhận hàng trong nước với nhau, không phải xuất khẩu ra nước ngoài hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan. Đề nghị Tổng cục Hải quan hướng dẫn nội dung này.</p>	<p>(công văn 1187/HQĐN a-GSQL ngày 26/6/2018)</p>	<p>khẩu được miễn thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP hoặc được hoàn thuế theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP nếu xuất khẩu ra nước ngoài hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan.</p> <p>Nghị định số 134/2016/NĐ-CP không quy định đối tượng xét miễn thuế, do vậy, đề nghị đơn vị thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.</p>
-----------------------------------	--	---	--



18.	<p>Chỉ tiêu thông tin 1.80 Mã Biểu thuế nhập khẩu phụ lục II Thông tư 39/2018/TT-BTC</p>	<p>Tại chỉ tiêu thông tin 1.80 Mã Biểu thuế nhập khẩu phụ lục II Thông tư 39/2018/TT-BTC quy định: “Đối với hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế, không được khai mã Biểu thuế nhập khẩu là B30 mà phải lựa chọn mã biểu thuế tương ứng với loại thuế suất thuế nhập khẩu”. Như vậy, đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công cho nước ngoài, phải nhập mã biểu thuế tương ứng là B01-Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi và nhập mã miễn thuế theo bảng mã VNACCS là XNG81-hàng nhập khẩu để gia công cho nước ngoài (đối tượng miễn thuế nhập khẩu). Khi khai báo theo mã này, tờ khai sẽ có thuế suất theo mã HS của từng dòng hàng, cùng với số tiền miễn/giảm thuế nhập khẩu tương ứng.</p> <p>Tuy nhiên, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 31 Nghị định 134/2016/NDD-CP thì: “Người nộp thuế tự xác định, khai hàng hóa và số tiền thuế được miễn thuế (trừ việc kê khai số tiền thuế phải nộp đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để gia công do bên thuê gia công cung cấp) trên tờ khai hải quan”. Như vậy được hiểu là hàng hóa nhập khẩu để gia công không phải kê khai thuế.</p> <p><b>Đề xuất:</b> TCHQ có hướng dẫn chung cho việc khai báo về tiêu chí Mã biểu thuế nhập khẩu và mã giảm thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công cho nước ngoài.</p>	<p>HQ Cần Thơ (Công văn số 1223/HQCT-NV ngày 06/7/2018)</p>	<p>Căn cứ quy định tại Thông tư 39/2018/TT-BTC, đề nghị Cục Hải quan tỉnh Cần Thơ hướng dẫn doanh nghiệp khai chỉ tiêu “mã biểu thuế” và “mã miễn/giảm/không chịu thuế nhập khẩu” đối với hàng nhập khẩu để gia công cho nước ngoài như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại chỉ tiêu thông tin 1.80 “Mã Biểu thuế nhập khẩu”: Nhập mã B30.</li> <li>- Tại chỉ tiêu thông tin 1.92 “Mã miễn/giảm/không chịu thuế nhập khẩu”: XNG81 (hàng nhập khẩu để gia công cho nước ngoài).</li> </ul>
19.		<p>Về việc khai báo đối với loại hình gia công:</p> <p>Theo hướng dẫn khai báo tại phụ lục I Thông tư số 39/2018/TT-BTC – mục 1.80 (trang 225) thì đối với hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế thì không được khai mã biểu thuế là B30, mà phải khai mã biểu thuế tương ứng.</p> <p>Hiện tại, khi DN khai mã biểu thuế tương ứng (B01) nhưng tại chỉ tiêu thuế suất, số tiền thuế được miễn là những ô rỗng và không thể hiện số liệu tiền thuế được miễn, chưa phù hợp với các quy định tại Điều 2, Điều 10 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP; quy định tại điểm d khoản 1 Điều 18 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số</p>	<p>HQ Long An (công văn số 1252/HQLA-NV ngày 02/7/2018)</p>	<p>Theo quy định tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC thì:</p> <p>B30: Mã biểu thuế áp dụng cho đối tượng không chịu thuế nhập khẩu;</p> <p>B01: Mã biểu thuế nhập khẩu ưu đãi;</p> <p>Khi doanh nghiệp khai mã biểu thuế B30 thì chỉ tiêu “Thuế suất” sẽ không có thuế suất.</p> <p>Khi doanh nghiệp khai mã biểu thuế B01 thì thuế suất sẽ là thuế suất theo quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.</p> <p>Việc Cục Hải quan tỉnh Long An phản</p>

		39/2018/TT-BTC. <b>Đề xuất:</b> Tổng cục Hải quan hướng dẫn nội dung này.		ánh doanh nghiệp khai mã biểu thuế tương ứng (B01) nhưng tại chỉ tiêu thuế suất, số tiền thuế được miễn là những ô rỗng và không thể hiện số liệu tiền thuế được miễn, Tổng cục Hải quan ghi nhận, sẽ kiểm tra và có hướng dẫn nếu phản ánh là đúng thực tế.
20.		Về Hệ thống GTT02: Các nội dung cập nhật tại hệ thống GTT02 hiện nay đề xuất nâng cấp, sửa đổi để đáp ứng theo yêu cầu tại Thông tư và Nghị định.	HQ Hải Phòng (CV số 9063/HQHP-TXNK ngày 06/7/2018)	Tổng cục Hải quan đang rà soát nâng cấp Hệ thống GTT02, trước mắt, yêu cầu của Cục Hải quan TP. Hải Phòng thực hiện theo công văn số 3766/TCHQ-TXNK ngày 27/6/2018 của Tổng cục Hải quan hướng dẫn cập nhật vào hệ thống GTT02.
21.		Về thời gian tra cứu dữ liệu: Theo quy định tại điểm b.5.8 khoản 3 Điều 25 quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC thì khi tìm kiếm dữ liệu để kiểm tra trị giá khai báo, trường hợp đã mở rộng khoảng tra cứu theo quy định tại Thông tư 39/2018/TT-BTC đến 90 ngày trước hoặc 90 ngày sau ngày xuất khẩu vẫn không tìm thấy dữ liệu thì có mở rộng khoảng thời gian tra cứu nữa không và mở rộng đến thời điểm nào?	HQ Đà Nẵng (CV số 1133/HQĐN-g-GSQL ngày 28/6/2018)	Căn cứ quy định tại điểm b.5.8 khoản 3 Điều 25 quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC thì thời gian mở rộng tra cứu dữ liệu <b>tối đa</b> là 90 ngày trước hoặc 90 ngày sau ngày xuất khẩu để xác định nghi vấn trị giá khai báo.
22.		Phụ lục II, phụ lục VI Thông tư số 38/2015/TT-BTC đã được thay thế theo quy định tại Điểm a khoản 75 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC. Theo đó, mẫu số 13/ĐKDDMMT/TXNK, mẫu số 14/CVĐKDDMMT/TXNK và mẫu số 15/PTDTL/TXNK ban hành kèm theo Phụ lục VI Thông tư số 38/2015/TT-BTC được thay thế bởi mẫu số 13/ĐKDDMMT/TXNK, 14/CVĐKDDMMT/TXNK, 15/PTDLT/TXNK ban hành kèm theo Phụ lục III Thông tư số 39/2018/TT-BTC.  Khoản 5 Điều 104 Thông tư số 38/2015/TT-BTC đã hết hiệu lực theo hướng dẫn tại công văn số 3762/TCHQ-TXNK ngày 27/6/2018 của Tổng cục Hải quan. Hiện nay, các biểu mẫu liên quan đến việc thông báo Danh mục miễn thuế thực hiện theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.	HQ Bà Rịa – Vũng Tàu (công văn số 2053/HQBR-VT-GSQL)	Tại Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 quy định: <i>Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.</i>  Tại Điều 30 Nghị định số

	<p><b>Đề xuất:</b> Đơn vị đề xuất tiếp tục thực hiện theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.</p>	<p>134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định việc thông báo Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến nhập khẩu đối với các trường hợp thông báo Danh mục miễn thuế.</p> <p>Tại Điều 106 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định việc báo cáo, kiểm tra việc sử dụng hàng hóa miễn thuế nhập khẩu.</p> <p>Theo đó, các mẫu biểu liên quan đến việc thông báo Danh mục miễn thuế được thực hiện theo quy định của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP (mẫu số 05 Công văn thông báo Danh mục miễn thuế, mẫu số 06 Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến nhập khẩu; mẫu số 07 Phiếu theo dõi trừ lùi hàng hóa miễn thuế nhập khẩu ban hành kèm theo Phụ lục VII Nghị định số 134/2016/NĐ-CP). Riêng đối với mẫu biểu liên quan đến báo cáo việc sử dụng hàng hóa miễn thuế nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Điều 106 Thông tư số 38/2015/TT-BTC (mẫu số 17/BCKT-NKMT/TXNK Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC)</p> <p><i>(Tổng cục Hải quan đã có công văn số 3762/TCHQ-TXNK ngày 27/6/2018 hướng dẫn thực hiện).</i></p> <p>Đề nghị đơn vị nghiên cứu, thực hiện.</p>
--	--	--